

Số: 62/2024/QĐST-DS

Quận 5, ngày 13 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 54/2024/TLST-DS ngày 06/3/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S**

Địa chỉ trụ sở: **Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Đức Thạch D**, sinh năm 1973 – chức vụ: Tổng Giám đốc; địa chỉ thường trú: **G N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1993; địa chỉ: **B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.** (Giấy ủy quyền ngày 24/4/2024).

Bị đơn: Bà **Võ Thị Diễm X** sinh năm 1998; Địa chỉ thường trú: **Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước;** địa chỉ: **Lầu C Chung Cư H H, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Đặng Hữu Minh Q**, sinh năm 1998; địa chỉ liên hệ: **65/3/7 T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.** (Giấy ủy quyền ngày 25/4/2024).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà **Võ Thị Diễm X** và **Ngân hàng TMCP S** có ký và thực hiện Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/7/2020 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của **Ngân hàng TMCP S** (Đơn vị phát hành thẻ) - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), với hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

2.2. Bà **Võ Thị Diễm X** xác nhận bà còn nợ **Ngân hàng TMCP S** số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 03/5/2024 là 44.504.036 (Bốn mươi bốn triệu năm trăm lẻ bốn nghìn không trăm ba mươi sáu) đồng; Trong đó: nợ gốc 26.232.410 đồng; nợ lãi quá hạn: 18.271.626 đồng.

2.3. Bà **Võ Thị Diễm X** có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền tính đến ngày 03/5/2024 là 44.504.036 (Bốn mươi bốn triệu năm trăm lẻ bốn nghìn không trăm ba mươi sáu) đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/5/2024 trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/7/2020 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của **Ngân hàng TMCP S** (Đơn vị phát hành thẻ)) cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, trong thời hạn 04 (bốn) tháng, hạn cuối thanh toán là ngày 04/9/2024, cụ thể như sau:

- Ngày 04/6/2024 bà **Võ Thị Diễm X** trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.
- Ngày 04/7/2024 bà **Võ Thị Diễm X** trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.
- Ngày 04/8/2024 bà **Võ Thị Diễm X** trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.
- Ngày 04/9/2024 bà **Võ Thị Diễm X** trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền 14.504.036 (mười bốn triệu năm trăm lẻ bốn nghìn không trăm ba mươi sáu) đồng.

Trong trường hợp bà **Võ Thị Diễm X** vi phạm bất kỳ kỳ thanh toán nào thì **Ngân hàng TMCP S** có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền buộc bà **Võ Thị Diễm X** phải trả một lần toàn bộ số tiền còn nợ lại chưa thanh toán.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Võ Thị Diễm X** tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.112.601 (một triệu một trăm mười hai nghìn sáu trăm lẻ một) đồng.

Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do **Ngân hàng TMCP S** đã nộp là 998.322 đồng (Chín trăm chín mươi tám nghìn ba trăm hai mươi hai đồng) theo biên lai thu số 0036005 ngày 04/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều

7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Thái Hòa